TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST Ngày 12-01-2018 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh T1 và chị T2	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Đức Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh- Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2537/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình T1, sinh năm 1976; nơi cư trú: ĐKHKTT số 13/311, đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; tạm trú Unit 04 Church Street Finglas Dublin 11, Ireland; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Kim T2, sinh năm 1978; nơi cư trú: ĐKHKTT số 13/311, đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; tạm trú số 51 Discovery Building Royal Cannal Park, Ashtown Dublin 15, Ireland; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn là anh Nguyễn Đình T1 trình bày: Anh và chị Trần Thị Kim T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Do công việc của anh và chị Trần Thị Kim T2 đều bận rộn không có thời gian dành cho gia đình, giữa hai anh chị thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn làm ảnh hưởng đến tinh thần của anh, chị và các con. Đến đầu năm 2016 thì anh và chị Trần Thị Kim T2 đã sống ly thân. Nay bản thân anh xác định không thể duy trì được quan hệ hôn nhân nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị Kim T2.

Về nuôi con: Anh và chị Trần Thị Kim T2 có 03 con chung cháu Nguyễn NA Saoirse, sinh ngày 07-09-2007; cháu Nguyễn TD Tommy, sinh ngày 09-03-2009; cháu Nguyễn Thanh T3, sinh ngày 05-08-2010. Do anh không đủ điều kiện nuôi con nên anh chị đều thống nhất giao 03 con chung cho chị Trần Thị Kim T2 nuôi, về cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận.

Về chia tài sản: Anh và chị Trần Thị Kim T2 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bị đơn là chị Trần Thị Kim T2 trình bày: Chị thống nhất với anh Nguyễn Đình T1 về quá trình kết hôn, về con chung, về tài sản chung cũng như nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, anh Nguyễn Đình T1 cũng đã đề nghị ly hôn vì vậy chị cũng đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh chị được ly hôn để mỗi người sớm ổn định cuộc sống của mình. Về việc nuôi con và chia tài sản chị cũng nhất trí với ý kiến của anh Nguyễn Đình T1

Do anh Nguyễn Đình T1 và chị Trần Thị Kim T2 cùng không yêu cầu hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, cả anh Nguyễn Đình T1 và chị Trần Thị Kim T2 cùng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Đình T1 và chị Trần Thị Kim T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã An Bình, huyện Nam Sách, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 04 tháng 9 năm 2006, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp. Do có đương sự đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Cả anh Nguyễn Đình T1, chị Trần Thị Kim T2 đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1, chị T2.

[3] Về hôn nhân: Cả anh Nguyễn Đình T1 và chị Trần Thị Kim T2 đều khai thống nhất do công việc bận rộn nên hai vợ chồng không có thời gian dành cho nhau và gia đình nên giữa anh Nguyễn Đình T1 và chị Trần Thị Kim T2 thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn làm ảnh hưởng đến tinh thần của anh, chị và cả các con. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng không có kết quả, đầu năm 2016 thì anh chị đã sống ly thân.

Lời khai của anh chị phù hợp với ý kiến của đại diện hai bên gia đình. Như vậy đã có căn cứ xác định giữa anh Nguyễn Đình T1 và chị Trần Thị Kim T2 không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là sự thật khách quan do vậy việc anh Nguyễn Đình T1 xin ly hôn với chị Trần Thị Kim T2 là hoàn toàn chính đáng. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của anh Nguyễn Đình T1, chị Trần Thị Kim T2.

[4] Về nuôi con: Do anh Nguyễn Đình T1 không đủ điều kiện nuôi con nên anh Nguyễn Đình T1 và chị Trần Thị Kim T2 thống nhất giao cả 03 con Nguyễn NA Saoirse, sinh ngày 07-09-2007; Nguyễn TD Tommy, sinh ngày 09-03-2009; Nguyễn Thanh T3, sinh ngày 05-08-2010 cho chị Trần Thị Kim T2 nuôi. Xét thỏa thuận của anh chị không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con và đảm bảo quyền lợi cho các con. Do vậy áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi con của anh Nguyễn Đình T1, chị Trần Thị Kim T2.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đình T1 và chị Trần Thị Kim T2 tự giao nhận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản: Anh Nguyễn Đình T1 và chị Trần Thị Kim T2 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Đình T1 là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Nguyễn Đình T1 và chị Trần Thị Kim T2 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T1 được ly hôn với chị Trần Thị Kim T2.

2. Về nuôi con: Giao 03 con chung là Nguyễn NA Saoirse, sinh ngày 07-09-2007; Nguyễn TD Tommy, sinh ngày 09-03-2009; Nguyễn Thanh T3, sinh ngày

05-08-2010 cho chị Trần Thị Kim T2 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đình T1 và chị Trần Thị Kim T2 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản: Anh Nguyễn Đình T1 và chị Trần Thị Kim T2 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đình T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003996 ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Đình T1 đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh Nguyễn Đình T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Trần Thị Kim T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng;
- UBND xã An Bình, huyện Nam Sách, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thu Hương